

CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CÁC NGÀY TRONG TUẦN /THÁNG: 01/2026 (TOÀN TRƯỜNG)

TỪ NGÀY 12/01 ĐẾN 15/01/2026

Ghi chú: Tổng số tiền ăn: 20.000đ/1hs/1 ngày (Trong đó: tiền thực phẩm: 14.400đ/ngày; Gia vị 600đ; riêng gia vị Tá Sú Linh 1.500đ, Lý Mạ Tá: 1.125đ; bữa chiều 5.000đ/em thứ: 2,4 Sữa tươi tiệt trùng có đường mộc châu MILK 110ml 5.000đ/em; thứ: 3,5 bánh mì 5.000đ/em; thứ 6: Mì kokomi Đại 90: 5.000đ/em); (75 em x 20.000 = 1.500.000đ)

Ghi chú: Tổng số tiền ăn: 8.889đ/1hs/1 ngày (Trong đó: tiền thực phẩm: 3.289đ/ngày; Gia vị 600đ; bữa chiều 5.000đ/em thứ: 2,4 Sữa tươi tiệt trùng có đường mộc châu MILK 110ml; thứ: 3,5 Bánh mì 5.000đ/em; thứ 6: Mì kokomi Đại 90: 5.000đ/em) (21 em x 8.889 = 186.600đ)

Ghi chú: Tổng số tiền ăn: 8.500đ/1hs/1 ngày (Trong đó: tiền thực phẩm: 8.500đ/ngày (17 em x 8.500 = 144.500đ)

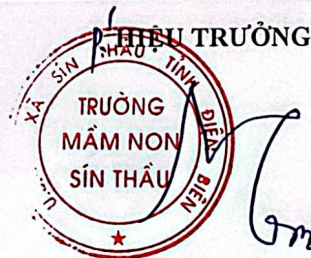
Số tiền ăn/ngày: 1.831.100đ

Tổng số ngày ăn/tháng : 18 ngày.

Số lượng học sinh	Thứ	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng cung cấp thực phẩm các bữa						Tổng tiền ăn cả trường
				TKK+APC+PNK+TM	Tá Sú Linh	Lý Mạ Tá	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
96	Hai 12./01/2026	Thịt lợn nguyên mông vai	Kg	6,3	0,33	0,41	7,0	150.000	1.056.000	1.831.100
		Đậu phụ	Kg	4,0	-	-	4,0	25.000	100.000	
		Rau bắp cải	Kg	3,2	0,23	0,20	3,7	20.000	73.400	
		Bánh mì	Cái	87	5,0	5,0	97	5.500	533.500	
		Hành khô	Kg	0,2	-	-	0,2	50.000	7.500	
		Gia vị, mì, mắm, súp, dầu ăn, nước rửa bát		51.600	4.500	4.500	60.600		60.600	
96	Ba 13./01/2026	Giò lợn (nạc)	Kg	6,3	0,30	0,35	6,9	160.000	1.111.900	1.831.100
		Quả su su	Kg	2,2	0,15	0,20	2,6	20.000	51.000	
		Rau cải thảo	Kg	2,9	0,20	0,24	3,3	20.000	66.600	
		Sữa tươi tiệt trùng có đường mộc châu MILK 110ml	Hộp	87	5,0	5,0	97	5.500	533.500	
		Hành khô	Kg	0,2	-	-	0,2	50.000	7.500	
		Gia vị, mì, mắm, súp, dầu ăn, nước rửa bát		51.600	4.500	4.500	60.600		60.600	
96	Tư 14./01/2026	Thịt lợn nguyên mông vai	Kg	6,30	0,3	0,41	7,0	150.000	1.056.000	1.831.100
		Đậu phụ	Kg	4,0	-	-	4,0	25.000	100.000	
		Rau bắp cải	Kg	3,25	0,2	0,20	3,7	20.000	73.400	
		Bánh mì	Cái	87,00	5,0	5	97	5.500	533.500	
		Hành khô	Kg	0,15	-	-	0,2	50.000	7.500	
		Gia vị, mì, mắm, súp, dầu ăn, nước rửa bát		51.600	4.500	4.500	60.600		60.600	
96	Năm 15./01/2026	Giò lợn (nạc)	Kg	6,30	0,30	0,35	6,9	160.000	1.111.900	1.831.100
		Quả su su	Kg	2,20	0,15	0,20	2,6	20.000	51.000	
		Rau cải thảo	Kg	2,90	0,20	0,24	3,3	20.000	66.600	
		Sữa tươi tiệt trùng có đường mộc châu MILK 110ml	Hộp	87,0	5,0	5,0	97	5.500	533.500	
		Hành khô	Kg	0,2	-	-	0,2	50.000	7.500	
		Gia vị, mì, mắm, súp, dầu ăn, nước rửa bát		51.600	4.500	4.500	60.600		60.600	

Kế toán


Lô Văn Đoàn



Nguyễn Thị Mơ